



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Kính gửi: Các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm báo cáo lưu chuyển tiền tệ và tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) của Ngân hàng và các công ty con.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt theo các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – *Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt*.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng và các công ty con đã được kiểm toán đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) đã được kiểm toán và phù hợp với các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	10.102.861	9.692.053
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	93.615.618	17.382.418
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	232.973.403	151.845.570
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	159.043.345	103.236.053
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	73.930.058	48.609.517
IV	Chứng khoán kinh doanh	9.669.033	4.233.529
1	Chứng khoán kinh doanh	9.750.244	4.271.362
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(81.211)	(37.833)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	832.354	230.658
VI	Cho vay khách hàng	535.321.404	452.721.687
1	Cho vay khách hàng	543.434.460	460.808.440
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(8.113.056)	(8.086.753)
VIII	Chứng khoán đầu tư	129.952.272	131.771.107
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	34.688.298	51.931.950
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.404.021	80.019.284
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(140.047)	(180.127)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.552.828	3.627.814
2	Vốn góp liên doanh	861.567	803.098
3	Đầu tư vào công ty liên kết	10.434	9.645
4	Đầu tư dài hạn khác	2.705.966	2.829.418
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(25.139)	(14.347)
X	Tài sản cố định	6.162.361	5.729.637
1	Tài sản cố định hữu hình	4.198.053	3.726.000
a	Nguyên giá tài sản cố định	9.701.927	8.632.207
b	Hao mòn tài sản cố định	(5.503.874)	(4.906.207)
3	Tài sản cố định vô hình	1.964.308	2.003.637
a	Nguyên giá tài sản cố định	2.606.775	2.603.156
b	Hao mòn tài sản cố định	(642.467)	(599.519)
XII	Tài sản Có khác	13.111.149	10.700.615
1	Các khoản phải thu	4.505.735	2.958.093
2	Các khoản lãi, phí phải thu	6.025.653	5.791.137
3	Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.548	1.943
4	Tài sản Có khác	2.576.228	1.950.379
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(2.015)	(937)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	1.035.293.283	787.935.088

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	171.385.068	54.151.413
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	66.942.203	72.238.405
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	55.803.878	53.282.230
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	11.138.325	18.956.175
III	Tiền gửi của khách hàng	708.519.717	590.451.344
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	23.153	-
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18.214.504	10.286.376
VII	Các khoản nợ khác	17.650.679	12.661.994
1	Các khoản lãi, phí phải trả	8.467.337	6.454.174
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	20.052	18.461
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	9.163.290	6.189.359
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	982.735.324	739.789.532
VIII	Vốn chủ sở hữu		
1	Vốn của tổ chức tín dụng	36.321.931	36.022.846
a	Vốn điều lệ	35.977.686	35.977.686
g	Vốn khác	344.245	45.160
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	7.253.682	5.936.667
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	94.485	84.245
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	83.285	83.285
5	Lợi nhuận chưa phân phối	8.715.252	5.874.992
a	Lợi nhuận để lại năm trước	2.476.000	1.204.902
b	Lợi nhuận để lại năm nay	6.239.252	4.670.090
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	89.324	143.521
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	52.557.959	48.145.556
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.035.293.283	787.935.088
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
1	Bảo lãnh vay vốn	265.179	222.549
2	Cam kết giao dịch hối đoái	74.729.089	24.605.699
	Cam kết mua ngoại tệ	8.223.247	9.019.812
	Cam kết bán ngoại tệ	66.505.842	15.585.887
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	45.239.213	43.914.997
5	Bảo lãnh khác	51.953.402	36.670.024
6	Các cam kết khác	284.135	63.624

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến



Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán



Kế toán Trưởng




Phó Tổng Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Chỉ tiêu	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	46.158.768	37.718.211
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(24.221.222)	(19.185.461)
I	Thu nhập lãi thuần	21.937.546	18.532.750
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.378.176	4.326.483
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(2.839.967)	(2.219.778)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.538.209	2.106.705
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.042.417	1.850.118
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	476.400	495.768
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(19.742)	(89.416)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	2.355.831	2.294.727
6	Chi phí hoạt động khác	(256.301)	(376.349)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	2.099.530	1.918.378
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	331.761	71.556
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	29.406.121	24.885.859
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(11.866.345)	(9.939.012)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	17.539.776	14.946.847
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.198.415)	(6.368.707)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	11.341.361	8.578.140
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(2.234.378)	(1.683.093)
8	Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	3.605	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.230.773)	(1.683.093)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	9.110.588	6.895.047
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(19.518)	(19.276)
XVI	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng	9.091.070	6.875.771
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.103	1.517

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng



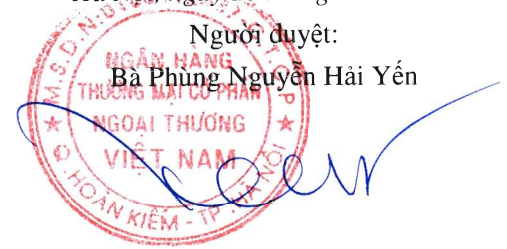
Phó phòng
 Tổng hợp và Chế độ Kế toán



Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến



Phó Tổng Giám đốc